

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Số: 67/2023/SGBL

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
6 tháng đầu năm 2023 so 6 tháng đầu năm
2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so 6 tháng đầu năm 2022. Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 giảm so cùng kỳ nguyên nhân chính là do sản lượng sản xuất và giao hàng giảm.

Trân trọng.

Nơi gửi: *thai*
- Như trên
- Lưu TCKT

GIÁM ĐỐC

Trịnh Công Vinh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 4 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh Ông Nguyễn Văn Đồi Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Phạm Hồng Minh Ông Trần Nguyên Trung	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Tấn Phiên Bà Dương Thị Thúy Hồng Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trịnh Công Vinh Ông Trần Văn Sang Ông Huỳnh Vạn Đồng	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha Phường 8, Thành phố Bạc Liêu Tỉnh Bạc Liêu Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Tỉnh Bạc Liêu, ngày 10 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00422-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		48.793.866.437	57.368.862.364
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	29.013.498.323	29.300.720.317
Tiền	111		163.498.323	400.720.317
Các khoản tương đương tiền	112		28.850.000.000	28.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.958.714.618	5.206.230.644
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	4.530.999.854	8.091.424.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		293.524.877	150.715.563
Phải thu ngắn hạn khác	136		214.360.887	44.262.010
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
Hàng tồn kho	140	11	17.613.177.968	22.585.700.777
Hàng tồn kho	141		17.613.177.968	22.585.700.777
Tài sản ngắn hạn khác	150		208.475.528	276.210.626
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		208.475.528	276.210.626
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		200.994.824.321	211.709.307.026
Tài sản cố định	220		199.084.453.683	209.340.094.696
Tài sản cố định hữu hình	221	12	199.072.051.123	209.316.246.527
Nguyên giá	222		488.309.527.025	488.110.677.025
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.237.475.902)	(278.794.430.498)
Tài sản cố định vô hình	227	13	12.402.560	23.848.169
Nguyên giá	228		211.446.165	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.043.605)	(187.597.996)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.025.225	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.025.225	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.906.345.413	2.369.212.330
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.906.345.413	2.369.212.330
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		249.788.690.758	269.078.169.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		61.028.651.675	73.871.201.503
Nợ ngắn hạn	310		59.951.675.421	68.284.482.948
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.541.939.562	6.783.137.298
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	24.377.211.985	46.892.173.258
Phải trả người lao động	314		2.275.873.161	2.796.444.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.901.970.778	1.706.882.852
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		138.181.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.651.426.017	559.326.517
Vay ngắn hạn	320	19(a)	22.048.562.618	9.043.226.794
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	16.509.481	365.109.481
Nợ dài hạn	330		1.076.976.254	5.586.718.555
Vay dài hạn	338	19(b)	-	4.521.613.405
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	1.076.976.254	1.065.105.150
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		188.760.039.083	195.206.967.887
Vốn chủ sở hữu	410	22	188.760.039.083	195.206.967.887
Vốn cổ phần	411	23	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.720.309.644	47.167.238.448
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		35.155.238.448	40.879.361.152
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ kỳ trước	421b		5.565.071.196	6.287.877.296
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		249.788.690.758	269.078.169.390

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	74.475.065.054	87.390.041.427
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	61.263.976.362	73.087.680.943
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		13.211.088.692	14.302.360.484
Doanh thu hoạt động tài chính	21		222.050.140	68.793.082
Chi phí tài chính	22		664.665.115	1.161.123.793
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>664.665.115</i>	<i>1.161.123.793</i>
Chi phí bán hàng	25		329.183.493	320.188.672
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	5.279.099.575	4.998.075.609
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.160.190.649	7.891.765.492
Thu nhập khác	31		-	70.352.069
Chi phí khác	32		-	15.260.843
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	55.091.226
Lãi kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.160.190.649	7.946.856.718
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.583.248.349	1.212.886.646
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	11.871.104	41.033.075
Lãi thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.565.071.196	6.692.936.997
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	440	529

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		7.160.190.649	7.946.856.718
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.454.491.013	10.563.325.664
Các khoản dự phòng	03		-	(176.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(222.050.140)	(68.835.212)
Chi phí lãi vay	06		664.665.115	1.161.123.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.057.296.637	19.602.294.963
Biến động các khoản phải thu	09		3.282.516.026	(2.258.186.958)
Biến động hàng tồn kho	10		4.972.522.809	(4.983.291.640)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(27.013.911.415)	(24.577.167.986)
Biến động chi phí trả trước	12		530.602.015	2.267.359.599
			(170.973.928)	(9.948.992.022)
Tiền lãi vay đã trả	14		(646.025.710)	(1.181.276.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.586.951.690)	(24.459.429)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		900.000	900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(349.500.000)	(5.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.752.551.328)	(11.158.828.272)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(237.875.225)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	42.130
Tiền thu lãi tiền gửi	27		222.050.140	68.793.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.825.085)	68.835.212

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		122.710.848.113	138.438.309.211
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(114.227.125.694)	(156.524.762.799)
Tiền trả cổ tức	36		(6.002.568.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.481.154.419	(18.086.453.588)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(287.221.994)	(29.176.446.648)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		29.300.720.317	33.165.234.078
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	29.013.498.323	3.988.787.430

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 99 nhân viên (1/1/2023: 108 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty là 2.753 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 11.159 triệu VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 11.158 triệu VND (1/1/2023: 10.916 triệu VND). Hơn nữa, Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có để hỗ trợ vốn lưu động với giá trị là 27.473 triệu VND (1/1/2023: 45.000 triệu VND) và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn hàng từ Tổng công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

(d) Kỳ kế toán năm

Năm kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 8 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Ban Giám đốc đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	55.550.195	188.594.381
Tiền gửi ngân hàng	107.948.128	212.125.936
Các khoản tương đương tiền (*)	28.850.000.000	28.900.000.000
	29.013.498.323	29.300.720.317

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất là 4,3% - 5% một năm (1/1/2023: 6% một năm).

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.393.766.550	4.654.620.630
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Các khách hàng khác	57.062.304	356.632.441
	4.530.999.854	8.091.424.071

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.393.766.550	4.654.620.630
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	339.498.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	3.403.575	3.958.441
	4.797.340.125	8.952.568.671

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2023 và 1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3,080,171,000	(3,080,171,000)	-

11. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	135.091.490	-	-	-
Nguyên vật liệu	2.974.850.497	-	11.214.655.599	-
Công cụ và dụng cụ	3.743.830.414	-	4.068.000.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.435.990.280	-	5.714.267.998	-
Thành phẩm	4.323.415.287	-	1.448.714.412	-
Hàng hóa	-	-	140.062.368	-
	17.613.177.968	-	22.585.700.777	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	109.489.293.797	371.069.889.947	5.998.968.590	1.552.524.691	488.110.677.025
Tăng trong kỳ	-	198.850.000	-	-	198.850.000
Số dư cuối kỳ	109.489.293.797	371.268.739.947	5.998.968.590	1.552.524.691	488.309.527.025
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	43.853.626.670	228.440.723.987	5.100.105.975	1.399.973.866	278.794.430.498
Khấu hao trong kỳ	2.199.680.668	8.107.407.658	109.847.088	26.109.990	10.443.045.404
Số dư cuối kỳ	46.053.307.338	236.548.131.645	5.209.953.063	1.426.083.856	289.237.475.902
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	65.635.667.127	142.629.165.960	898.862.615	152.550.825	209.316.246.527
Số dư cuối kỳ	63.435.986.459	134.720.608.302	789.015.527	126.440.835	199.072.051.123

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 64.934 triệu VND (1/1/2023: 64.483 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 164.024 triệu VND (1/1/2023: 172.564 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	187.597.996
Khấu hao trong kỳ	11.445.609
Số dư cuối kỳ	199.043.605
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	23.848.169
Số dư cuối kỳ	12.402.560

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 38 triệu VND (1/1/2023: 38 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí nâng cấp VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.678.892.439	690.319.891	2.369.212.330
Tăng trong kỳ	340.000.000	-	340.000.000
Phân bổ trong kỳ	(491.632.272)	(311.234.645)	(802.866.917)
Số dư cuối kỳ	1.527.260.167	379.085.246	1.906.345.413

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu	493.667.884	689.922.950
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ vệ sĩ Long Hải Bạc Liêu	340.479.843	417.912.034
Công ty TNHH Chế biến lương thực Trường Thắng	337.755.000	803.706.000
Công ty TNHH Camic Việt Nam	258.967.500	881.100.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	1.693.498.004
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	875.496.612
Các nhà cung cấp khác	1.111.069.335	1.421.501.698
	2.541.939.562	6.783.137.298

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	1.693.498.004
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	875.496.612

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ Cản trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	39.432.655.340	65.400.029.805	(89.977.868.910)	14.854.816.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.586.951.690	1.583.248.349	(1.586.951.690)	1.583.248.349
Thuế giá trị gia tăng	5.809.047.788	13.875.632.788	(11.763.914.908)	7.920.765.668
Thuế thu nhập cá nhân	50.144.120	460.035.050	(500.904.557)	9.274.613
Thuế tài nguyên	13.374.320	51.229.360	(55.496.560)	9.107.120
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	46.892.173.258	81.373.175.352	(103.888.136.625)	24.377.211.985

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phí sử dụng vỏ chai	332.904.653	-
Chi phí điện	199.873.800	165.677.400
Chi phí lãi vay	35.140.197	16.500.792
Chi phí khác	1.334.052.128	1.524.704.660
	<hr/>	<hr/>
	1.901.970.778	1.706.882.852
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cổ tức	6.009.432.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
Phải trả khác	431.994.017	349.326.517
	<hr/>	<hr/>
	6.651.426.017	559.326.517
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023	Biến động trong kỳ		30/6/2023
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	122.710.848.113	(105.183.898.900)	17.526.949.213
Vay dài hạn đến hạn trả	9.043.226.794	4.521.613.405	(9.043.226.794)	4.521.613.405
	9.043.226.794	127.232.461.518	(114.227.125.694)	22.048.562.618

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Vietinbank – Chi nhánh 4	VND	7,2% - 8,0%	17.526.949.213	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vay dài hạn	4.521.613.405	13.564.840.199
Khoản đến hạn trả trong vòng mười hai tháng	(4.521.613.405)	(9.043.226.794)
Khoản đến hạn trả sau mười hai tháng	-	4.521.613.405

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023	1/1/2023
				VND	VND
Vietinbank – Chi nhánh 4	VND	7,81% - 8,49%	2024	4.521.613.405	13.564.840.199

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 107.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 164.024 triệu VND (1/1/2023: 172.564 triệu VND) (Thuyết minh 12).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	365.109.481	19.882.964
Tăng khác	900.000	900.000
Sử dụng trong kỳ	(349.500.000)	(5.000.000)
Số dư cuối kỳ	16.509.481	15.782.964

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Thay đổi khấu hao tài sản cố định	20%	1.076.976.254	1.065.105.150

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	120.120.000.000	27.919.729.439	40.879.361.152	188.919.090.591
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	6.692.936.997	6.692.936.997
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	120.120.000.000	27.919.729.439	47.572.298.149	195.612.027.588
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	293.593.333	293.593.333
Trích quỹ hoạt động xã hội	-	-	(349.326.517)	(349.326.517)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(349.326.517)	(349.326.517)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	120.120.000.000	27.919.729.439	47.167.238.448	195.206.967.887
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.565.071.196	5.565.071.196
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	120.120.000.000	27.919.729.439	40.720.309.644	188.760.039.083

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

24. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết nghị chia cổ tức cho các cổ đông trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc			
	30/6/2023		30/6/2022	
	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND
Cổ tức đã công bố trong kỳ	10%	12.012.000.000	-	-

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	335.524.669	318.778.600
Từ hai đến năm năm	1.342.098.677	1.342.098.677
Sau năm năm	10.601.422.741	10.781.192.190
	12.279.046.087	12.442.069.467

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	71.897.828.945	84.820.809.103
▪ Cung cấp dịch vụ	691.697.790	734.645.774
▪ Doanh thu khác	1.885.538.319	1.834.586.550
	74.475.065.054	87.390.041.427

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	61.021.552.583	72.921.079.743
▪ Dịch vụ đã cung cấp	242.423.779	166.777.200
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(176.000)
	61.263.976.362	73.087.680.943

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.972.165.443	3.027.845.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.829.217	552.569.222
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.733.211	13.356.543
Chi phí quản lý khác	1.806.371.704	1.404.303.879
	5.279.099.575	4.998.075.609

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	40.924.008.622	48.065.801.136
Chi phí nhân công và nhân viên	10.856.419.874	10.778.745.761
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.454.491.013	10.563.325.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.905.303.130	3.370.375.575
Chi phí khác	5.328.459.948	7.191.360.343

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.583.248.349	1.188.427.217
Điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước	-	24.459.429
	1.583.248.349	1.212.886.646
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	11.871.104	41.033.075
	1.595.119.453	1.253.919.721

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.160.190.649	7.946.856.718
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.432.038.130	1.589.371.344
Chi phí không được khấu trừ thuế	163.081.323	231.862.031
Điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước	-	24.459.429
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(525.525.229)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	(66.247.854)
	1.595.119.453	1.253.919.721

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	5.565.071.196	6.692.936.997
Ước tính trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(278.253.560)	(334.646.850)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	5.286.817.636	6.358.290.147

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND (Điều chỉnh lại)	30/6/2022 VND (Đã báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	440	529	557

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	71.897.828.945	84.820.809.103
Mua nguyên vật liệu	21.152.966.931	34.023.291.451
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Cổ tức	1.201.200.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	432.120.193	429.494.236
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	-	3.652.000
Mua nguyên vật liệu	39.532.500	23.250.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán bao bì	240.625.000	16.102.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.040.120	-
Chi phí sử dụng vỏ chai	197.769.054	536.760.169



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Lâm Đồng		
Mua nguyên vật liệu	33.295.500	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	30.000.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Lương và thưởng</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	248.500.000	108.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	148.500.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	148.500.000	72.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	148.500.000	72.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	148.500.000	72.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi	1.257.098.269	1.243.844.755
Ban Kiểm soát		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng ban	97.000.000	72.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	41.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	41.000.000	30.000.000



34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

